

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **46**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D K 1066	Lê Ngọc Thảo Vy	04/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.6			x		7.00	5.50	3.00	
2	V K 1067	Lê Ngọc Thảo Vy	03/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	9.3			x	x	7.50	5.50	4.10	
3	C D 1068	Nguyễn Thảo Vy	10/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	8.0	Địa lí	9.2	x		7.50	7.50	4.20	
4	H V 1069	Nguyễn Thảo Vy	04/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú-Pleiku	Hóa học	8.2	Ngữ văn	8.3		x	7.00	4.75	3.60	
5	H A 1070	Trần Thảo Vy	07/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	8.3	Tiếng Anh	8.4	x	x	7.00	6.00	8.50	
6	A B 1071	Phạm Lê Triệu Vy	25/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	8.4	x		6.75	4.25	8.20	
7	T C 1072	Phạm Thị Tường Vy	02/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.3	Tin học	9.3	x	x	6.25	10.00	6.30	
8	L C 1073	Văn Tường Vy	17/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Quốc Toàn - Phú Thiện	Vật lí	9.4	Tin học	8.7			6.00	8.00	3.80	KK Vật lí
9	V C 1074	Đặng Thị Yến Vy	07/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	9.0	Tin học	8.8	x		7.25	3.50	4.60	
10	V A 1075	Nguyễn Triệu Yến Vy	26/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.8	Tiếng Anh	9.3	x	x	7.75	6.75	6.30	
11	V A 1076	Vũ Yến Vy	03/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.5	Tiếng Anh	8.5	x	x	7.25	3.25	2.30	
12	A K 1077	Trần Lâm Chí Vy	30/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.1			x	x	5.50	5.00	4.20	
13	V A 1078	Rmah Xên	23/08/2006	Nữ	Jarai	Gia Lai	Lương Thế Vinh - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Tiếng Anh	8.0	x		3.25	1.00	2.60	
14	H K 1079	Hà Hải Yến	19/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.6			x		7.50	8.75	5.00	
15	A K 1080	Võ Thị Hải Yến	21/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Tiếng Anh	8.0			x	x	7.75	6.25	3.70	
16	H K 1081	Cao Hoàng Yến	05/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	8.25	6.50	5.00	
17	A V 1082	Tô Tiểu Yến	14/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	8.2	x	x	7.50	3.75	5.00	
18	V D 1083	Nguyễn Ngọc Như Ý	02/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	7.9	Địa lí	9.0	x	x	7.25	5.00	3.50	
19	A V 1084	Nguyễn Như Ý	16/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	7.4	x	x	7.00	1.75	4.20	
20	S K 1085	Võ Thị Như Ý	26/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.2			x	x	6.25	3.50	4.70	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đỗ Hải Đăng Hải*

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Văn Ngọc*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Ngọc*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Ngọc

Đỗ Văn Ngọc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **45**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T H 1046	Trần Trọng Vũ	13/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.5	Hóa học	9.6	x		7.00	9.75	8.10	
2	A V 1047	Nguyễn Tuấn Vũ	15/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	7.9	x	x	7.50	3.50	3.70	
3	T C 1048	Phan Ngọc Vương	09/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.6	Tin học	8.5	x	x	7.33	5.25	5.10	
4	T C 1049	Nguyễn Vũ Tịnh Vương	24/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	9.4	x	x	7.75	8.00	6.30	
5	A K 1050	Trần Anh Vy	17/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x		8.00	6.50	7.70	
6	D C 1051	Nguyễn Hà Vy	09/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	8.5	Tin học	9.0	x	x	6.67	2.25	3.90	
7	D K 1052	Đỗ Thị Hà Vy	19/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.9			x		6.83	5.50	3.40	
8	V K 1053	Trịnh Hải Vy	16/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.6					6.00	2.75	2.70	
9	A K 1054	Trịnh Hoàng Vy	15/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	7.75	3.25	6.40	
10	A K 1055	Trịnh Huyền Vy	15/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	x	7.75	4.25	5.80	
11	A V 1056	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	16/06/2006	Nữ	Kinh	Quảng Trị	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	8.7	x	x	7.25	4.75	5.50	
12	B K 1057	Huỳnh Khánh Vy	07/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Lịch sử	9.7			x		8.25	2.50	2.70	Ba Lịch sử
13	T H 1058	Hà Kiều Vy	05/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Đak Pơ	Toán	9.1	Hóa học	9.3	x	x	6.33	5.00	3.30	
14	V K 1059	Đỗ Nguyễn Kiều Vy	02/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x		7.25	5.75	2.50	
15	V K 1060	Phạm Kiều Vy	02/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	9.6			x		8.25	4.50	4.30	
16	A K 1061	Huỳnh Ngọc Phương Vy	01/08/2006	Nữ	Kinh	Vĩnh Long	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.5			x		7.58	8.50	7.60	
17	A V 1062	Nguyễn Ngọc Phương Vy	03/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	9.0	x		7.75	4.00	6.70	
18	V K 1063	Nguyễn Thanh Vy	11/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	9.1			x		7.50	5.50	5.00	
19	D K 1064	Bùi Thảo Vy	05/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	8.8			x		7.25	4.75	4.10	
20	S K 1065	Nguyễn Hoàng Thảo Vy	15/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	10.0			x		7.25	4.75	5.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đoàn Văn Hải*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Văn Quyền*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Tươi*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Tươi

Đỗ Văn Tươi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 44

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H K 1026	Nguyễn Ngọc Thanh Vân	19/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.1			x		6.00	3.50	4.00	
2	A H 1027	Lê Tường Vân	06/03/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	9.4	x	x	8.00	7.25	8.60	
3	T C 1028	Nguyễn Thảo Vi	31/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	10.0	x	x	7.75	8.75	4.60	
4	A T 1029	Nguyễn Thị Thảo Vi	29/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lê Quý Đôn - Đắk Đoa	Tiếng Anh	9.4	Toán	8.8	x		5.75	5.25	6.90	
5	T K 1030	Huỳnh Thị Triệu Vi	15/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt - Pleiku	Toán	8.5			x		6.50	4.25	3.30	
6	A T 1031	Nguyễn Tường Vi	01/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Toán	8.7	x	x	6.75	7.75	7.20	
7	B K 1032	Bùi Lê Yến Vi	11/12/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Lê Văn Tám - Pleiku	Lịch sử	9.6			x		4.75	5.75	3.20	
8	A V 1033	Hồ Đức Việt	28/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	7.4	x		7.50	5.25	8.50	
9	H C 1034	Nguyễn Công Vinh	13/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.9	Tin học	8.7	x		7.50	5.25	6.50	
10	A K 1035	Văn Gia Vinh	11/04/2006	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	x	6.25	1.25	4.10	
11	S K 1036	Đặng Lê Vinh	27/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.1			x	x	6.75	1.25	2.80	
12	H A 1037	Cảnh Quang Vinh	14/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.4	Tiếng Anh	9.2	x	x	7.00	8.25	7.10	
13	L K 1038	Phan Lý Quang Vinh	29/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lý	9.1			x		2.25	4.00	2.80	
14	L C 1039	Nguyễn Quang Vinh	28/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lý	9.6	Tin học	9.4	x	x	7.75	9.25	7.70	
15	L K 1040	Phùng Quang Vinh	12/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lý	8.3			x		5.50	4.50	2.10	
16	T L 1041	Vũ Thành Vinh	18/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.4	Vật lý	9.0	x	x	7.50	9.50	8.40	
17	B K 1042	Lê Nguyễn Anh Vũ	20/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	8.3			x	x	5.75	3.50	5.70	
18	A K 1043	Lê Xuân Hoàng Vũ	06/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	TT Phú Hòa - Chư Păh	Tiếng Anh	9.2			x		7.00	5.75	4.00	
19	A K 1044	Trịnh Long Vũ	17/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Tiếng Anh	9.7			x		8.75	10.00	9.90	Nhi Tiếng Anh
20	H A 1045	Võ Đình Nhật Vũ	14/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.8	Tiếng Anh	8.0	x		7.50	5.75	7.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

KT. GIÁM ĐỐC

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Loan*

Vũ Tiến Tùng

Phạm Văn Loan

Người soát điểm thứ hai: *Vũ Đình Nhật*

Vũ Tiến Tùng

Bùi Khoa Nghi



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **43**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lóp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L C 1006	Bùi Tuấn Tú	18/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Vật lí	9.6	Tin học	9.2	x		4.50	3.00	2.70	Ba Vật lí
2	T K 1007	Trương Nguyễn Cát Tường	02/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.2			x		5.00	4.50	2.40	
3	H C 1008	Thái Ngân Tỷ	16/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Hóa học	9.1	Tin học	8.8	x		4.75	5.50	5.40	
4	A V 1009	Nguyễn Duy Uyên	14/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.7	Ngữ văn	9.2	x	x	7.75	7.25	9.10	Nhi Tiếng Anh
5	A V 1010	Nguyễn Hoàng Uyên	16/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.2	x	x	7.50	6.50	5.80	
6	T C 1011	Phan Hoàng Mai Uyên	18/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.3	x		7.00	9.50	7.10	
7	A K 1012	Phan Thị Mai Uyên	25/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.2				x	7.50	5.25	7.80	
8	A V 1013	Võ Mỹ Uyên	25/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Ngữ văn	6.7	x	x	6.00	0.50	2.70	
9	V K 1014	Hồ Diệp Nhã Uyên	08/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Ngữ văn	7.7			x		6.50	2.50	2.90	
10	T C 1015	Nguyễn Nhã Uyên	07/05/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Toán	9.5	Tin học	8.6	x	x	7.50	7.50	6.90	
11	T C 1016	Bạch Bảo Phương Uyên	03/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.6	Tin học	9.7	x	x	7.75	9.00	7.50	
12	D K 1017	Thái Bùi Phương Uyên	26/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.9			x	x	6.25	2.75	3.90	
13	A K 1018	Lê Hoàng Phương Uyên	15/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x		5.00	0.50	3.50	
14	L C 1019	Nguyễn Thảo Uyên	12/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lí	7.7	Tin học	7.3	x		6.25	4.50	3.40	
15	T C 1020	Trần Thu Uyên	06/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.8	Tin học	9.4	x	x	8.25	10.00	7.80	
16	A V 1021	Phan Thanh Tú Uyên	02/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.5	x	x	8.00	5.75	6.30	
17	H A 1022	Võ Nguyễn Ý Uyên	10/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	8.1	Tiếng Anh	8.7	x		6.25	2.50	4.00	
18	T A 1023	Lê Hà Hy Văn	14/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.5	Tiếng Anh	8.9	x	x	7.50	6.33	6.40	
19	A T 1024	Trần Nhân Văn	15/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Toán	8.0	x	x	6.50	7.00	8.60	
20	V K 1025	Nguyễn Thị Cẩm Văn	15/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Ngữ văn	9.3				x	7.25	4.00	4.30	KK Ngữ văn

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Đỗ Văn Lê Hoàng Mai*

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Văn Lê Hoàng Mai*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Đức Bình Tuyết*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **42**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H C 0985	Trần Đỗ Anh Tuấn	07/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	8.8	Tin học	8.1	x		5.50	5.50	4.30	
2	C K 0986	Mai Hoàng Anh Tuấn	04/04/2006	Nam	Kinh	Hải Phòng	Lý Thường Kiệt - Pleiku	Tin học	9.1			x		7.00	6.50	2.80	
3	A K 0987	Lê Anh Tuấn	07/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.1				x	5.50	6.75	9.20	
4	A T 0988	Phạm Anh Tuấn	13/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nghĩa Hưng - Chư Păh	Tiếng Anh	9.7	Toán	9.2	x		6.75	8.50	8.60	
5	T C 0989	Lê Hoàng Tuấn	18/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Toán	9.8	Tin học	9.8	x	x	7.75	9.00	8.50	KK Toán
6	H V 0990	Lê Tuấn	16/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	8.7	Ngữ văn	8.7	x		6.25	5.75	3.20	
7	T C 0991	Lê Tuấn	09/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	8.7	Tin học	8.1	x		5.75	6.25	3.20	
8	S K 0992	Lê Ngọc Tuấn	31/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Thường Kiệt - Pleiku	Sinh học	9.7			x		8.00	6.25	4.50	
9	B C 0993	Nguyễn Quốc Tuấn	25/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Lịch sử	8.8	Tin học	8.5	x	x	6.25	4.00	2.80	
10	H K 0994	Hồ Thanh Tuyển	07/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.8			x		6.50	5.25	7.20	
11	H C 0995	Nguyễn Vũ Thanh Tuyển	26/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.3	x	x	8.25	1.75	2.80	
12	B V 0996	Trần Đặng Anh Tú	09/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.5	Ngữ văn	8.4	x		7.75	3.00	4.40	
13	L C 0997	Trần Đỗ Anh Tú	09/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Vật li	9.2	Tin học	9.5	x	x	6.25	6.50	6.40	KK Vật li
14	V D 0998	Trần Nguyễn Cẩm Tú	17/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.7	Địa li	8.4	x		7.25	1.00	4.50	
15	T A 0999	Phạm Cẩm Tú	25/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.4	Tiếng Anh	7.7	x	x	5.50	2.75	2.60	
16	A B 1000	Nguyễn Hoàng Tú	01/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Lịch sử	9.2	x	x	7.00	4.00	7.40	
17	L C 1001	Phan Minh Tú	24/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật li	8.5	Tin học	9.1	x		6.75	6.50	4.40	
18	A K 1002	Phan Nguyên Tú	14/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	7.00	3.75	4.90	
19	V H 1003	Lữ Quang Tú	12/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Lợi - Đak Đoa	Ngữ văn	8.6	Hóa học	8.1	x		5.75	0.00	2.10	
20	A D 1004	Nguyễn Quốc Tú	22/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Địa li	8.6	x		5.50	6.25	5.60	
21	A T 1005	Nguyễn Tấn Tú	19/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.4	Toán	8.7	x	x	6.25	9.75	9.60	

(Danh sách này gồm 21 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: Phạm Văn Loan
 Người nhập điểm: Trần Văn Đăng Hải
 Người soát điểm thứ nhất: Trần Văn Quang
 Người soát điểm thứ hai: Trần Văn Đạt

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **41**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	D T 0961	Nguyễn Hữu Trinh	01/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.9	Toán	8.5	x		5.00	2.00	4.20	
2	H C 0962	Nguyễn Đức Trọng	09/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.1	Tin học	9.7	x	x	6.50	7.50	5.70	
3	T L 0963	Đinh Phú Trọng	13/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.8	Vật lí	8.5	x	x	6.50	7.75	5.20	
4	L C 0964	Phạm Phú Trọng	20/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	6.2	Tin học	7.3	x		7.00	5.25	4.20	
5	T C 0965	Nguyễn Thế Trọng	10/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	8.4	Tin học	7.6	x		5.75	5.75	6.10	
6	H K 0966	Kpá Y Trọng	06/03/2006	Nam	Jarai	Gia Lai	Hùng Vương - IaGrai	Hóa học	9.3					5.75	4.75	5.10	
7	D K 0967	Đặng Ngọc Bảo Trung	13/02/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.4			x	x	5.00	2.75	4.80	
8	T C 0968	Đặng Nguyễn Đức Trung	02/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.4	Tin học	7.5	x	x	6.25	9.75	6.90	
9	H C 0969	Nguyễn Đức Minh Trung	07/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.9	x		7.25	5.25	4.30	
10	T C 0970	Phan Vũ Thành Trung	09/06/2006	Nam	Kinh	Ninh Thuận	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.5	Tin học	7.2	x		7.00	6.50	4.40	
11	A V 0971	Nguyễn Văn Trung	16/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Tiếng Anh	8.0	Ngữ văn	7.5	x		6.75	1.75	2.80	
12	H C 0972	Đào Xuân Trung	24/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.8	Tin học	8.7	x	x	8.25	8.50	5.60	
13	A K 0973	Phạm Xuân Trung	08/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x		6.50	1.00	6.10	
14	V A 0974	Nguyễn Thị Hồng Trú	16/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	9.2	Tiếng Anh	9.2	x		7.00	6.25	3.70	
15	A V 0975	Mạc Nguyễn Hương Trú	06/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.4	x	x	7.00	7.50	8.40	
16	L A 0976	Nguyễn Hữu Trú	15/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	8.4	Tiếng Anh	8.1	x	x	4.00	5.00	3.90	
17	A K 0977	Lê Thanh Trú	24/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x	x	7.50	7.50	8.60	
18	D K 0978	Nguyễn Đan Trường	06/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	9.6				x	5.75	4.25	5.80	
19	H C 0979	Lê Đức Trường	03/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.4	Tin học	9.7	x	x	6.75	7.50	6.90	
20	T C 0980	Phạm Nguyễn Nam Trường	02/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	8.5	Tin học	8.7	x	x	5.75	6.25	3.90	
21	A T 0981	Trần Vũ Trường	15/10/2006	Nam	Kinh	Bình Định	An Trung - Kông Chro	Tiếng Anh	8.8	Toán	9.4			6.00	2.50	5.20	
22	T K 0982	Hoàng Xuân Trường	16/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Đức Cơ	Toán	9.8					6.75	4.50	3.40	
23	A V 0983	Hoàng Nguyên Trùng	25/09/2006	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.1	x	x	7.50	5.50	7.90	
24	T H 0984	Bùi Trung Trục	19/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Toán	9.6	Hóa học	8.6	x		5.50	8.50	4.00	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Đỗ Văn Yên*

Người nhập điểm: *Đỗ Văn Yên*

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Văn Yên*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Yên*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiên Tùng

Vũ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Yên

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 40

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A T 0937	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	31/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Toán	9.6	x	x	8.00	7.25	9.10	Ba Tiếng Anh
2	V H 0938	Vũ Nguyễn Quỳnh	Trâm	01/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.3	Hóa học	9.5	x		7.50	6.25	4.20	
3	S K 0939	Võ Ngọc Thùy	Trâm	19/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	8.9			x	x	6.50	3.50	4.00	
4	A K 0940	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	03/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - Ia Grai	Tiếng Anh	9.7					7.25	6.50	5.90	
5	A V 0941	Diệp Bảo	Trân	14/11/2006	Nữ	Hoa	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.2	Ngữ văn	9.3	x	x	8.50	8.00	8.10	
6	L V 0942	Đào Bảo	Trân	26/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	8.4	Ngữ văn	8.0	x	x	8.50	4.00	4.70	
7	A V 0943	Vũ Hoàng Bảo	Trân	22/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.5	Ngữ văn	9.0	x	x	8.25	6.75	7.60	
8	H T 0944	Nguyễn Lê Bảo	Trân	17/05/2006	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.8	Toán	8.6	x		6.25	5.25	2.80	
9	A V 0945	Phạm Bảo	Trân	15/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	7.9	Ngữ văn	8.9	x	x	7.25	3.75	7.40	
10	C D 0946	Trần Bảo	Trân	09/04/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trung Vương - Pleiku	Tin học	8.9	Địa lí	8.9	x	x	5.50	7.25	3.60	
11	T A 0947	Nguyễn Cẩm	Trân	03/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.4	x	x	7.00	9.50	9.00	
12	A K 0948	Lâm Anh Huyền	Trân	16/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	x	7.25	5.50	7.00	
13	A K 0949	Võ Trần Huyền	Trân	27/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	7.50	10.00	8.80	
14	H K 0950	Phan Mỹ	Trân	30/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.8					7.50	5.25	3.00	
15	L V 0951	Hoàng Ngọc	Trân	03/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	6.3	Ngữ văn	7.4	x	x	7.25	3.75	3.80	
16	V K 0952	Phan Thùy	Triều	22/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.6			x	x	7.75	6.25	7.00	
17	H K 0953	Lê Hoàng Bảo	Trình	16/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.6			x		7.25	7.25	4.40	
18	A K 0954	Lê Ngọc Phương	Trình	23/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x		7.00	3.50	3.90	
19	H C 0955	Huỳnh Trần Phương	Trình	10/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Kông Chro	Hóa học	9.6	Tin học	8.5	x	x	6.75	6.75	2.80	
20	S K 0956	Trần Thái Hoàng	Tri	03/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Sinh học	9.9				x	6.75	5.75	5.80	KK Sinh
21	H K 0957	Trương Huệ	Tri	22/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Ayun Pa	Hóa học	9.7				x	6.50	3.75	5.70	
22	L C 0958	Nguyễn Hữu	Tri	04/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.0	Tin học	8.7	x		6.50	7.25	5.40	
23	H K 0959	Trần Mạnh	Tri	20/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Hóa học	9.9					6.50	6.50	5.00	
24	H C 0960	Lương Ngọc	Tri	10/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.3	Tin học	9.4	x	x	5.50	7.75	7.00	Nhi Hóa học

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Văn Loan*

Người soát điểm thứ hai: *Phạm Văn Loan*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tiến Tùng

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 39

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L A 0913	Khương Thị Huyền	Trang	27/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Vật lí	8.4	Tiếng Anh	8.1	x		6.75	5.50	4.60	
2	T K 0914	Nguyễn Kiều	Trang	07/08/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	laNhin - Chư Păh	Toán	9.3					5.50	4.50	3.50	
3	C K 0915	Trần Võ Kiều	Trang	27/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.6			x	x	7.00	7.00	4.20	
4	V K 0916	Nguyễn Phương	Trang	07/06/2006	Nữ	Xê Đăng	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x	x	8.75	6.50	6.20	
5	A K 0917	Phạm Quỳnh	Trang	16/01/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	x	5.25	4.50	7.90	
6	V K 0918	Huỳnh Thị Thảo	Trang	04/06/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x	x	6.00	1.75	3.10	
7	A V 0919	Nguyễn Vương Thiên	Trang	22/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Ngữ văn	8.6	x	x	7.75	6.50	5.80	
8	D K 0920	Tô Thị	Trang	26/12/2006	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Trần Phú - Pleiku	Địa lí	9.3			x	x	8.50	3.50	5.10	
9	V B 0921	Lê Thu	Trang	09/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.4	Lịch sử	9.1	x	x	8.25	4.25	6.30	
10	A K 0922	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	9.3			x		7.00	4.75	7.50	
11	A V 0923	Nguyễn Thùy	Trang	03/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.9	x	x	7.75	7.25	7.80	
12	A K 0924	Lê Phạm Thùy	Trang	01/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.6			x	x	4.75	6.25	8.10	
13	A H 0925	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.6	Hóa học	9.1	x	x	6.00	4.25	5.50	
14	S V 0926	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Sinh học	9.4	Ngữ văn	8.9	x	x	7.75	6.50	5.80	
15	T C 0927	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Đak Đoa	Toán	8.9	Tin học	7.7	x		7.00	6.50	5.00	
16	V A 0928	Y	Trang	11/09/2006	Nữ	Bana	Gia Lai	Lương Thế Vinh - Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tiếng Anh	8.7	x		5.75	1.00	1.60	
17	A H 0929	Trần Hương	Trà	09/07/2006	Nữ	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Hóa học	9.0	x	x	8.25	6.50	4.70	
18	A K 0930	Nguyễn Bảo	Trâm	15/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	x	6.75	6.00	7.90	
19	L K 0931	Lê Trần Bảo	Trâm	15/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Hiền - Đức Cơ	Vật lí	9.6			x		7.75	6.00	2.70	
20	A B 0932	Hồ Y Bảo	Trâm	24/03/2006	Nữ	Dê Trĩng	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.7	Lịch sử	9.7	x	x	8.00	5.50	6.40	
21	A H 0933	Bùi Bích	Trâm	14/10/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Quang Trung - Kông Chro	Tiếng Anh	9.4	Hóa học	9.7	x	x	7.50	5.50	8.90	
22	T K 0934	Phan Bích	Trâm	09/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương - IaGra	Toán	9.5				x	7.00	9.50	6.70	Ba Toán
23	T A 0935	Dương Lê Huyền	Trâm	09/04/2006	Nữ	Kinh	Lâm Đồng	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.3	Tiếng Anh	9.0	x		4.00	3.25	2.50	
24	H K 0936	Hồ Nguyễn Ngọc	Trâm	24/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Hóa học	9.2			x		6.50	6.25	5.90	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phan Yên Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Phan Yên Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Thị Bích Ngọc*

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **38**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A B 0889	Phạm Minh	Thương	20/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Lịch sử	8.6	x	x	6.25	5.50	6.90	
2	V K 0890	Hoàng Thị	Thương	12/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x		7.75	6.25	5.50	
3	A K 0891	Phạm Ngọc Hoàng	Tiên	04/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x		6.75	6.25	7.20	
4	V K 0892	Đình Lê Thảo	Tiên	09/04/2006	Nữ	Bana	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	7.9			x	x	7.50	3.50	3.30	
5	D V 0893	Thái Lê Thủy	Tiên	21/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	9.1	Ngữ văn	6.8	x	x	7.00	1.25	1.90	
6	H C 0894	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	06/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.6	Tin học	9.0	x		7.50	8.25	6.90	KK Hóa học
7	A K 0895	Hoàng Anh	Tiến	13/05/2006	Nam	Tây	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.9				x	6.75	7.50	9.30	
8	H C 0896	Nguyễn Minh	Tiến	06/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Hóa học	8.7	Tin học	9.3	x		4.50	6.75	4.50	
9	L C 0897	Nguyễn Đức Nam	Tiến	05/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.4	Tin học	9.6	x		5.25	7.75	6.10	
10	A K 0898	Dương Ngọc	Tiến	09/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Tiếng Anh	8.0				x	5.25	6.00	4.00	
11	T C 0899	Dương Quang	Tiến	01/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.0	Tin học	8.7			5.25	6.50	3.30	
12	L K 0900	Phạm Việt	Tiếp	08/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Quý Đôn - Krông Pa	Vật lí	9.4			x		7.00	6.25	3.70	
13	L C 0901	Hà Hoàng Trọng	Tinh	14/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	8.7	Tin học	7.9	x		4.58	4.50	2.10	
14	C T 0902	Trương Công	Tin	03/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Tin học	9.0	Toán	9.3	x		6.00	3.25	2.70	
15	A L 0903	Hồ Đình	Tin	11/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.1	Vật lí	8.3	x	x	7.50	7.50	6.00	
16	B K 0904	Nguyễn Trung	Tin	24/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	9.3			x		7.75	3.50	3.80	
17	H C 0905	Dương Đình	Toàn	12/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5	Tin học	8.8	x		7.25	7.25	5.80	
18	T A 0906	Nguyễn Đức	Toàn	29/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.6	x		7.91	10.00	7.70	
19	A K 0907	Trần Đức	Toàn	04/05/2006	Nam	Kinh	Kon Tum	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	7.3				x	6.00	4.75	3.90	
20	T H 0908	Nguyễn Khánh	Toàn	06/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Văn Tám - Pleiku	Toán	9.9	Hóa học	9.3	x		7.50	9.75	5.40	
21	L C 0909	Lê Quốc	Toàn	21/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Vật lí	9.6	Tin học	9.5	x	x	7.25	9.00	5.00	Ba Vật lí
22	H K 0910	Trần Quốc	Toàn	10/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Hóa học	9.9			x		6.25	8.00	6.50	
23	H V 0911	Vũ Thiên Hạnh	Trang	26/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.4	Ngữ văn	8.8	x	x	7.50	7.00	7.10	
24	V A 0912	Chu Thị Huyền	Trang	09/11/2006	Nữ	Kinh	Thanh Hóa	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Ngữ văn	8.3	Tiếng Anh	9.2	x	x	8.50	5.75	6.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

Người nhập điểm: *Phạm Văn Loan*

PHÓ CHỦ TỊCH

Người soát điểm thứ nhất: *Nguyễn Văn Quang*

Người soát điểm thứ hai: *Nguyễn Văn Quang*

Nguyễn Văn Quang

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 37

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C K 0865	Nguyễn Anh	Thư	26/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.4		x		7.75	9.00	6.50	
2	A B 0866	Đào Nguyễn Anh	Thư	09/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Lịch sử	8.3	x	7.25	7.75	7.40	
3	A V 0867	Trần Anh	Thư	05/03/2006	Nữ	Kinh	Bình Phước	Lý Thường Kiệt - Pleiku	Tiếng Anh	8.4	Ngữ văn	7.6	x	7.75	5.25	3.20	
4	B V 0868	Nguyễn Gia	Thư	02/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.0	Ngữ văn	8.9	x	7.75	6.50	5.00	
5	H V 0869	Đỗ Hoàng	Thư	18/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.7	Ngữ văn	9.1	x	6.00	7.75	5.90	
6	A K 0870	Nguyễn Ngọc Kim	Thư	27/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - Chư Pưh	Tiếng Anh	9.2		x	x	3.25	5.50	3.80	
7	B A 0871	Cao Đặng Minh	Thư	13/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.8	Tiếng Anh	8.7	x	6.00	5.25	6.60	
8	S K 0872	Hồ Ngọc Minh	Thư	02/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Sinh học	10.0		x	x	7.25	3.75	5.30	
9	V K 0873	Trần Ngọc Minh	Thư	30/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.2		x		7.50	3.25	5.70	
10	V C 0874	Nguyễn Minh	Thư	20/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.5	Tin học	9.4	x	9.00	7.25	4.70	
11	T C 0875	Chu Thị Minh	Thư	04/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Toán	9.3	Tin học	9.6	x	8.00	8.75	4.80	
12	H V 0876	Nguyễn Thị Minh	Thư	29/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.2	Ngữ văn	8.8	x	8.25	7.50	5.30	
13	A K 0877	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.6		x		6.75	1.75	5.10	
14	V K 0878	Ninh Thị Minh	Thư	26/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.2		x		5.50	2.50	2.40	
15	D A 0879	Trần Thị Minh	Thư	25/08/2006	Nữ	Kinh	Hà Tĩnh	Trần Phú - IaGrai	Địa lí	8.9	Tiếng Anh	8.4	x	4.00	3.00	3.80	
16	H K 0880	Trần Tô Minh	Thư	27/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.0		x		5.50	5.25	3.10	
17	V A 0881	Lê Từ Minh	Thư	08/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.7	Tiếng Anh	8.9	x	8.50	3.50	5.10	
18	L A 0882	Lê Trần Mỹ	Thư	04/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	10.0	Tiếng Anh	9.4	x	7.75	6.50	7.60	
19	V K 0883	Nguyễn Quỳnh	Thư	02/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Thị trấn Phú Hòa - Chư Păh	Ngữ văn	9.2		x	x	8.25	5.50	4.00	
20	H A 0884	Nguyễn Nay Thiên	Thư	08/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	8.1	Tiếng Anh	8.2	x	4.75	2.25	3.00	
21	V K 0885	Nhữ Diệu	Thương	27/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.4		x	x	6.08	4.50	5.10	
22	V K 0886	Phạm Hoài	Thương	02/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Ngữ văn	8.3		x		8.00	3.00	3.90	
23	A K 0887	Phạm Hoài	Thương	09/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tiếng Anh	8.4		x	x	7.50	3.25	5.50	
24	A K 0888	Đậu Hồng	Thương	08/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8		x	x	8.25	6.50	5.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng kí dự thi)

Người đọc điểm: Phạm Văn Loan
 Người nhập điểm: Phạm Văn Loan
 Người soát điểm thứ nhất: Trần Văn Quang
 Người soát điểm thứ hai: Trần Văn Quang

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 36

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C T 0841	Nguyễn Phúc Thịnh	14/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	9.0	Toán	9.5	x		6.50	7.25	5.50	
2	C K 0842	Trần Thái Thịnh	28/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Tin học	8.2			x	x	6.25	6.25	4.60	
3	B V 0843	Hán Danh Trường	20/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.6	Ngữ văn	8.6	x		7.75	5.75	2.70	
4	H A 0844	Huỳnh Văn Thịnh	14/12/2005	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Hóa học	9.8	Tiếng Anh	7.8	x	x	6.25	4.50	7.30	
5	D K 0845	Dương Xuân Thịnh	02/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Địa lí	8.2			x		5.50	0.75	2.80	
6	A K 0846	Rơ Mah Đình Thọ	24/06/2006	Nam	Jrai	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	x	7.25	8.75	7.60	
7	L K 0847	Nguyễn Thị Thơm	05/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Chư Prông	Vật lí	9.7			x	x	5.50	6.75	3.90	Nhất Vật lí
8	A K 0848	Đỗ Hà Thu	06/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8				x	4.75	3.50	4.80	
9	S K 0849	Lê Thị Hoài Thu	12/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	8.0			x	x	6.75	0.75	3.20	
10	S V 0850	Nguyễn Đức Thuận	17/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.8	Ngữ văn	8.7	x		8.00	5.50	3.60	
11	T H 0851	Nguyễn Nam Thuận	02/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	8.8	Hóa học	8.2	x		5.25	5.50	3.30	
12	C K 0852	Nguyễn Trần Thanh Thuận	04/02/2006	Nam	Kinh	Đăk Lăk	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tin học	7.5			x		7.16	4.00	3.30	
13	A V 0853	Phan Vũ Thuận	29/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	7.4	Ngữ văn	8.0	x		6.00	1.00	3.60	
14	L T 0854	Nguyễn Minh Thủy	13/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Vật lí	8.8	Toán	8.0	x		3.25	4.00	1.60	
15	H S 0855	Nguyễn Phương Thủy	17/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Hiền - Đức Cơ	Hóa học	9.8	Sinh học	9.6			4.25	6.00	6.10	Ba Hóa học
16	V A 0856	Y Thủy	18/01/2006	Nữ	Bana	Gia Lai	Lương Thế Vinh - Pleiku	Ngữ văn	9.1	Tiếng Anh	8.4	x		4.75	1.25	1.70	
17	V K 0857	Trần Vũ Phương Thủy	23/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Hùng Vương - Ia Grai	Ngữ văn	8.7				x	8.00	2.00	5.00	
18	V K 0858	Nguyễn Thị Thu Thủy	18/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.5			x	x	8.25	4.50	4.80	
19	A T 0859	Phạm Thị Thu Thủy	07/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Tiếng Anh	8.6	Toán	8.2	x		4.75	6.60	2.50	
20	S V 0860	Võ Hoàng Thanh Thúy	09/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	9.2	Ngữ văn	8.4	x	x	7.25	4.50	5.40	
21	T C 0861	Hồ Ngọc Thanh Thúy	03/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	9.2	x	x	6.50	8.50	6.10	
22	T A 0862	Phương Hoàng Anh Thư	06/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.9	Tiếng Anh	9.7	x	x	8.00	9.00	9.00	
23	A K 0863	Bùi Lê Anh Thư	18/10/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Chu Văn An - Chư Sê	Tiếng Anh	9.6			x	x	7.50	7.25	8.60	
24	T C 0864	Nguyễn Mai Anh Thư	06/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Toán	9.3	Tin học	9.2	x		5.50	6.25	4.80	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Trần Văn Hùng*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Văn Hùng*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Hùng*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tiến Tùng

Võ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 35

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	T C 0817	Nguyễn Ngọc Thạch	23/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.7	x	x	6.50	8.00	5.10	
2	H T 0818	Đinh Công Thắng	07/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Hóa học	5.7	Toán	8.3	x		3.75	4.75	3.30	
3	V K 0819	Trương Quốc Thắng	03/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Ngữ văn	8.4			x	x	8.25	3.75	5.70	
4	T C 0820	Võ Thiện Thắng	29/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	8.7	Tin học	8.3	x		5.25	6.00	2.60	
5	S K 0821	Hồ Phạm Thuận Thắng	22/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	9.6			x	x	6.25	3.75	3.80	
6	V A 0822	Nguyễn Thủy Cẩm Thi	20/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.4	Tiếng Anh	9.3	x	x	9.00	4.00	5.50	KK Ngữ văn
7	A K 0823	Huỳnh Kiều Thi	20/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.7			x	x	9.00	6.50	8.60	Ba Tiếng Anh
8	T C 0824	Nguyễn Ngọc Kim Thi	19/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	8.4	Tin học	7.6	x		6.00	6.00	3.00	
9	T C 0825	Hồ Sỹ Thi	27/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - IaGra	Toán	9.6	Tin học	7.4	x		4.25	7.50	4.00	
10	T K 0826	Nguyễn Trần Phúc Thi	18/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lê Duẩn - Chư Sê	Toán	8.2			x		6.50	5.00	4.70	
11	T C 0827	Nguyễn Gia Thi	17/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	7.7	Tin học	8.6	x	x	4.00	4.25	3.80	
12	H C 0828	Thái Minh Thi	27/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	8.8	Tin học	8.8	x		7.25	4.75	3.90	
13	T L 0829	Huỳnh Ngọc Thi	04/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trương Vương - Pleiku	Toán	9.1	Vật lý	9.1	x	x	7.50	9.00	5.40	
14	A T 0830	Đỗ Phước Thi	21/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Toán	8.9	x		6.50	5.50	7.10	
15	D K 0831	Nguyễn Văn Thi	26/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Địa lý	8.8			x		7.25	3.25	3.20	
16	L K 0832	Trần Cao Thịnh	03/10/2006	Nam	Kinh	Đắk Lắk	Trần Phú - Pleiku	Vật lý	8.8				x	6.25	3.00	3.30	
17	H C 0833	Vương Đức Thịnh	03/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.6	Tin học	9.8	x	x	7.75	8.00	7.10	
18	B K 0834	Nguyễn Phú Hưng Thịnh	22/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Lịch sử	8.3			x		7.25	1.25	1.70	
19	H A 0835	Phạm Hữu Thịnh	26/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	8.7	Tiếng Anh	8.7	x	x	6.75	5.50	7.60	
20	A K 0836	Nguyễn Đăng Khang Thịnh	19/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x		7.50	6.00	3.70	
21	H A 0837	Nguyễn Khánh Thịnh	14/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.1	Tiếng Anh	8.7	x	x	8.00	6.75	6.50	
22	H C 0838	Trương Phạm Ngọc Thịnh	02/07/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.9	Tin học	9.3	x	x	7.50	10.00	7.40	KK Hóa học
23	D K 0839	Nguyễn Trần Ngọc Thịnh	23/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lý	9.5			x	x	8.00	7.00	4.60	
24	A K 0840	Nguyễn Thịnh	15/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x	x	7.25	5.50	8.20	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: LM Phan Văn Loan

Người nhập điểm: Trần Thị Diệu Nga

Người soát điểm thứ nhất: Trần Thị Ngọc Ngọc

Người soát điểm thứ hai: Trần Thị Ngọc Ngọc

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

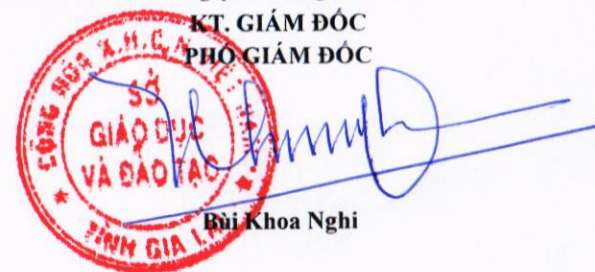
KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tiên Tùng

Võ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 34

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C T 0793	Nguyễn Minh Thành	21/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tin học	8.3	Toán	8.8	x		6.00	7.50	6.20	
2	L K 0794	Lê Nguyễn Minh Thành	01/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lý	9.6			x		7.25	6.25	3.60	
3	A H 0795	Lê Tôn Như	02/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.9	Hóa học	9.2	x	x	6.00	7.25	5.70	
4	H C 0796	Trần Tiến	03/11/2006	Nam	Kinh	Bình Định	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	10.0	Tin học	9.0	x	x	7.66	9.50	5.90	
5	A K 0797	Lê Hà Diệu	20/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đăk Đoa	Tiếng Anh	9.6			x		7.75	6.25	7.00	
6	V A 0798	Bùi Nguyễn Duy	13/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	7.3	Tiếng Anh	7.9	x		6.50	2.75	3.90	
7	V K 0799	Hồ Mĩ Minh	05/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	8.4			x		6.75	4.50	4.00	
8	A V 0800	Hồ Hoàng Nguyên	06/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.3	Ngữ văn	8.4	x	x	7.25	6.00	8.00	
9	A H 0801	Nguyễn Hoàng Nguyên	07/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tiếng Anh	8.5	Hóa học	9.2	x	x	7.75	7.00	6.80	
10	V B 0802	Trần Đoàn Phương	28/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Ngữ văn	7.6	Lịch sử	7.7	x		5.50	3.25	1.90	
11	A K 0803	Đỗ Phương	17/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.3			x	x	5.75	6.00	3.90	
12	T H 0804	Nguyễn Phương	28/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.3	Hóa học	9.3	x		8.50	8.00	6.20	
13	V K 0805	Nguyễn Phương	25/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Ngữ văn	8.7			x		8.50	0.25	4.50	
14	B V 0806	Nguyễn Thị Phương	23/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Lịch sử	8.4	Ngữ văn	7.4	x		7.25	4.50	3.50	
15	A V 0807	Phạm Thu Phương	07/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Ngữ văn	8.3	x		7.50	5.25	5.90	
16	A V 0808	Nguyễn Thanh	19/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Ngữ văn	8.1	x	x	7.25	6.50	7.20	
17	T S 0809	Huỳnh Phan Thanh	26/10/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Toán	9.6	Sinh học	9.8	x	x	8.50	8.75	6.20	KK Sinh học
18	T K 0810	Huỳnh Thị	13/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phan Bội Châu - Đức Cơ	Toán	9.2					5.50	7.50	2.70	
19	V K 0811	Phạm Bùi Thu	08/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Ngữ văn	9.0			x		8.00	6.25	5.20	
20	V K 0812	Trần Thu	08/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Ngữ văn	8.2			x		7.75	7.00	5.30	
21	A K 0813	Phạm Nữ Vy	26/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.6			x		7.00	5.25	6.70	
22	L K 0814	Phạm Huỳnh Gia	30/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Vật lý	8.4			x	x	7.75	2.00	6.10	
23	C T 0815	Trần Lê	11/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	8.5	Toán	9.2	x		8.00	8.50	3.80	
24	H K 0816	Lê Ngọc	14/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.5			x	x	7.50	6.75	4.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Văn Loan*

Người nhập điểm: *Trần Lê Đăng Hải*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Trọng Giang*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Đức Bình*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiên Tùng

Vũ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Khoa Nghi

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 33

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TD	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	L K 0769	Phạm Minh Sơn	15/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Vật li	8.4					5.50	4.75	2.10	
2	H V 0770	Huỳnh Quang Sơn	05/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	8.3	Ngữ văn	9.2	x		7.00	4.25	1.60	
3	L A 0771	Chu Quốc Thái Sơn	01/09/2006	Nam	Kinh	Nam Định	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật li	7.9	Tiếng Anh	9.0	x	x	7.67	4.25	4.70	
4	C T 0772	Đỗ Trung Sơn	28/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.3	Toán	8.7	x	x	6.75	7.25	5.90	
5	A K 0773	Phạm Hữu Anh Tài	14/02/2006	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	8.2			x	x	6.25	3.50	5.10	
6	H C 0774	Mai Phát Tài	16/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.1	Tin học	8.2	x		6.75	5.00	3.20	
7	A L 0775	Lý Quốc Phúc Tài	17/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.1	Vật li	9.1	x	x	4.75	7.25	7.70	
8	S K 0776	Hoàng Văn Tài	03/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Sinh học	8.6			x		4.50	4.25	2.60	
9	H A 0777	Đỗ Nguyễn Diệu Tâm	15/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.2	Tiếng Anh	8.8	x	x	8.08	5.75	5.80	
10	A K 0778	Võ Nguyễn Khánh Tâm	22/10/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.1			x	x	8.75	6.50	7.90	
11	V S 0779	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	11/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.7	Sinh học	8.9	x		8.00	5.25	3.60	
12	D K 0780	Nguyễn Võ Ngọc Tâm	25/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Địa li	9.3			x	x	4.75	1.50	4.70	
13	B V 0781	Nguyễn Trần Nhân Tâm	09/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Lịch sử	9.7	Ngữ văn	8.2	x	x	7.25	6.50	5.10	
14	A K 0782	Dương Thanh Tâm	18/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Trãi - Chư Pưh	Tiếng Anh	8.9				x	7.25	6.50	9.60	KK Tiếng Anh
15	C D 0783	Trần Thị Thanh Tâm	29/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tin học	9.1	Địa li	8.7	x		8.00	4.75	7.10	
16	S K 0784	Nguyễn Thành Tâm	12/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Sinh học	9.1			x	x	7.50	6.50	5.60	
17	C T 0785	Nguyễn Văn Tâm	16/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.0	Toán	8.9			6.25	6.50	5.70	
18	T K 0786	Hồ Hữu Tây	23/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Quang Trung - Đức Cơ	Toán	9.9				x	7.75	9.75	4.70	KK Toán
19	L C 0787	Dương Thị Hoài Thanh	09/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật li	9.5	Tin học	9.1	x		8.00	9.00	5.50	
20	T C 0788	Huỳnh Ngọc Thanh	03/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.7	Tin học	8.5	x	x	6.75	9.00	6.80	
21	V K 0789	Đặng Lê Thanh Thanh	26/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.8			x	x	7.75	5.00	5.60	
22	A K 0790	Ngô Đức Thành	25/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trung Vương - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	6.50	6.00	9.40	
23	L C 0791	Trần Hoàng Thành	06/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật li	9.1	Tin học	7.7	x		7.75	8.50	7.30	
24	H C 0792	Võ La Thành	09/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.5	Tin học	8.2	x	x	7.25	6.50	3.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Đỗ Văn Yên*

Người nhập điểm: *Đỗ Văn Yên*

Người soát điểm thứ nhất: *Đỗ Văn Yên*

Người soát điểm thứ hai: *Đỗ Văn Yên*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI

PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Tiên Tùng

Võ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Yên

Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: 32

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	H C 0745	Trần Nhật	Quyên	03/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.2	Tin học	9.4	x	x	8.00	6.00	3.10	
2	T C 0746	Đặng Đức	Quyết	18/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Đắc Yă - Mang Yang	Toán	9.7	Tin học	9.4	x		6.00	8.00	4.90	
3	L C 0747	Lê Diễm	Quỳnh	26/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Vật lí	9.5	Tin học	9.3	x		8.00	7.00	4.10	
4	A V 0748	Phan Châu Nhật	Quỳnh	16/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Tiếng Anh	9.8	Ngữ văn	9.0	x		7.75	5.25	6.40	
5	B K 0749	Đinh Nhật	Quỳnh	01/12/2005	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Lịch sử	8.9			x	x	6.75	2.00	5.10	
6	V K 0750	Cao Như	Quỳnh	15/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	8.0			x	x	6.50	2.25	3.70	
7	A K 0751	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	12/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.9			x		6.00	6.50	5.50	
8	S K 0752	Nguyễn Như	Quỳnh	12/03/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	TT Phú Hòa, Chư Păh	Sinh học	9.4					6.83	4.50	2.90	
9	V B 0753	Lê Phạm Như	Quỳnh	24/02/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	7.6	Lịch sử	8.7	x		8.25	4.00	2.80	
10	D K 0754	Lê Thị Như	Quỳnh	01/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Địa lí	8.5			x		7.75	5.00	3.50	
11	B S 0755	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	26/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.8	Sinh học	9.1	x		6.25	6.75	3.30	
12	A K 0756	Đặng Tú	Quỳnh	20/06/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	8.00	2.75	6.40	
13	B A 0757	Nguyễn Tú	Quỳnh	03/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.7	Tiếng Anh	9.4	x		8.00	6.25	5.00	
14	A K 0758	Lê Hồng	Quý	20/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	8.5			x	x	5.50	6.75	7.50	
15	H C 0759	Ngô Văn Kim	Quý	05/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Hóa học	9.7	Tin học	9.1	x	x	6.50	9.50	6.20	KK Hóa học
16	H T 0760	Trương Ngọc	Quý	11/10/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	APC - Pleiku	Hóa học	9.5	Toán	9.1		x	5.75	6.00	3.10	
17	T A 0761	Nguyễn Phúc	Sang	03/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Toán	9.6	Tiếng Anh	9.6	x	x	8.00	7.25	9.70	
18	C K 0762	Văn Thế	Sang	31/03/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Trần Phú - Pleiku	Tin học	8.4			x		7.50	6.75	7.10	
19	L A 0763	Trương Công Tuấn	Sang	27/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Huỳnh Thúc Kháng - Pleiku	Vật lí	6.1	Tiếng Anh	7.2	x		4.00	2.25	2.20	
20	H C 0764	Trương Văn	Sang	08/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Võ Thị Sáu - Đak Đoa	Hóa học	9.1	Tin học	8.4	x		4.75	3.75	3.40	
21	B T 0765	Phan Trần Duy Tiến	Sĩ	13/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.1	Toán	8.9	x		4.25	3.25	2.30	
22	H V 0766	Lê Đình	Sơn	28/06/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Viết Xuân - Pleiku	Hóa học	8.9	Ngữ văn	9.3	x		6.50	5.00	4.80	
23	A K 0767	Nguyễn Đình	Sơn	11/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x		3.00	3.75	1.70	
24	T C 0768	Vũ Đức Hải	Sơn	04/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Chu Văn An - Mang Yang	Toán	9.8	Tin học	9.7	x		7.83	9.50	8.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phan Văn Loan*

Người nhập điểm: *Trần Văn Đức*

Người soát điểm thứ nhất: *Trần Văn Đức*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Văn Đức*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiến Tùng

Vũ Tiến Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGŨ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **31**

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyên vọng 1		Nguyên vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
								Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	A K 0721	Hoàng Nguyễn Phước	09/07/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.2			x	x	6.75	5.75	8.10	
2	L K 0722	Nguyễn Thị Bích Phượng	22/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	9.1			x		7.75	4.25	3.40	
3	B C 0723	Võ Ngọc Yến	17/12/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Lịch sử	9.6	Tin học	8.6	x	x	8.00	4.50	4.80	
4	H K 0724	Vũ Đăng Quang	28/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Hóa học	9.1			x		5.00	4.00	4.00	
5	L K 0725	Nguyễn Đức	20/01/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Vật lí	8.0			x	x	6.75	6.00	4.60	
6	L C 0726	Hoàng Hồ	18/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	8.7	Tin học	6.9	x		5.50	8.75	5.30	
7	T H 0727	Vũ Hữu	04/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Linh - Đak Đoa	Toán	9.4	Hóa học	9.8	x	x	6.00	9.00	5.60	
8	S K 0728	Lê	26/12/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.0			x		7.25	5.50	4.40	
9	T C 0729	Trương Minh	28/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.0	Tin học	9.4	x		6.75	7.75	4.20	
10	L K 0730	Phạm Đức Nhật	24/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Vật lí	8.1			x	x	5.50	5.25	3.80	
11	T C 0731	Phan Trịnh Nhật	17/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Toán	9.2	Tin học	8.6	x	x	5.50	8.50	5.10	
12	A K 0732	Trương Nhật	18/10/2006	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.7			x	x	6.75	6.75	8.00	
13	C T 0733	Vũ Như Anh	12/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tin học	8.7	Toán	8.3	x	x	6.00	6.75	4.20	
14	H C 0734	Lại Thế Anh	30/09/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.2	Tin học	9.2	x	x	6.75	5.75	6.60	
15	L A 0735	Hà Đông	17/08/2006	Nam	Kinh	Quảng Nam	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Vật lí	9.6	Tiếng Anh	9.3		x	7.75	9.25	7.40	
16	A B 0736	Phạm Võ Hoàng	31/03/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	9.0	Lịch sử	9.7	x	x	5.25	4.00	8.10	
17	T C 0737	Nguyễn Mạnh	12/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Toán	9.1	Tin học	9.4	x		7.00	5.75	4.30	
18	T H 0738	Đỗ Trung	19/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.4	Hóa học	9.5	x		7.50	6.75	7.00	
19	L C 0739	Trần Văn	01/05/2006	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Nguyễn Du - Pleiku	Vật lí	9.1	Tin học	8.5	x		7.75	8.75	6.80	
20	H C 0740	Lê Việt	29/05/2006	Nam	Kinh	Quảng Ngãi	Nguyễn Du - Pleiku	Hóa học	9.2	Tin học	9.5	x	x	7.50	8.25	7.20	
21	S K 0741	Đỗ Bảo	13/11/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Sinh học	9.1					7.25	5.75	3.60	
22	S K 0742	Phạm Lê Minh	19/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	9.0			x		8.50	7.00	6.30	
23	V C 0743	Lương Minh	07/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	8.6	Tin học	7.5	x		6.75	6.75	4.80	
24	A K 0744	Trần Hoàng Nhã	12/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	APC - Pleiku	Tiếng Anh	9.4			x	x	7.25	5.75	7.60	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: *Phạm Yến Loan*

Người nhập điểm: *Phạm Yến Loan*

Người soát điểm thứ nhất: *Phạm Yến Loan*

Người soát điểm thứ hai: *Trần Văn Bách*

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Yến Loan

Võ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG
NĂM HỌC 2021 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI CÁC MÔN KHÔNG CHUYÊN (NGỮ VĂN, TOÁN, TIẾNG ANH)

Phòng thi số: **30**

STT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Học sinh trường THCS	Nguyễn vọng 1		Nguyễn vọng 2		NV Lớp không chuyên	Tiếng Anh TB	Điểm thi			Ghi chú
									Môn	Điểm TB	Môn	Điểm TB			Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh	
1	C K 0697	Võ Trịnh Xuân	Phổ	01/05/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Huệ - Pleiku	Tin học	9.1					6.75	6.25	3.30	
2	C K 0698	Văn Hữu	Phú	17/05/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Bùi Thị Xuân - Pleiku	Tin học	9.5			x		5.50	2.50	3.60	
3	T K 0699	Trần Thiên	Phú	08/09/2006	Nam	Kinh	Thanh Hóa	Phan Chu Trinh - Đak Đoa	Toán	8.9			x		5.75	6.00	4.70	
4	S L 0700	Võ Đoàn Trọng	Phú	25/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Trần Phú - Pleiku	Sinh học	8.9	Vật li	8.5	x		6.00	3.25	1.70	
5	S B 0701	Nguyễn Xuân	Phú	09/08/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Sinh học	8.4	Lịch sử	6.4	x		3.00	0.50	3.00	
6	T C 0702	Nguyễn Hải	Phúc	26/10/2006	Nam	Kinh	Ninh Bình	Trần Phú - Pleiku	Toán	8.9	Tin học	8.1	x		5.92	7.50	2.80	
7	T C 0703	Lưu Hồng	Phúc	16/11/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Toán	9.8	Tin học	8.7	x	x	6.75	9.50	5.10	Ba Toán
8	S T 0704	Hồ Thị Hồng	Phúc	07/03/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	9.5	Toán	8.5	x		7.50	7.00	4.10	
9	A K 0705	Phan Huy	Phúc	05/10/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.8			x	x	6.75	7.75	7.80	
10	A K 0706	Nguyễn Tri	Phúc	24/04/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Nguyễn Du - Pleiku	Tiếng Anh	9.0			x		6.50	6.25	6.00	
11	C V 0707	Quyển Trọng	Phúc	26/10/2006	Nam	Kinh	Ninh Bình	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Tin học	9.6	Ngữ văn	7.4	x	x	3.75	4.50	5.20	
12	T C 0708	Nguyễn Thị Minh	Phụng	02/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Trần Hưng Đạo - IaGrai	Toán	9.6	Tin học	9.4	x		6.50	8.00	4.40	
13	V K 0709	Đỗ Ngọc Hà	Phương	20/01/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Ngữ văn	6.6			x	x	8.00	4.75	4.20	
14	H V 0710	Nguyễn Vũ Hoài	Phương	13/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Hóa học	9.8	Ngữ văn	8.5	x		7.00	6.25	3.50	
15	S K 0711	Bùi Mai	Phương	29/07/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Sinh học	8.9			x		6.75	6.75	5.10	
16	A K 0712	Đỗ Mai	Phương	12/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Tiếng Anh	8.0			x		7.00	2.25	4.60	
17	T H 0713	Nguyễn Lê Ngọc	Phương	17/04/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.7	Hóa học	9.8	x	x	7.75	9.25	8.40	
18	V K 0714	Nguyễn Thị Thanh	Phương	27/09/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Ngữ văn	9.3					7.50	5.75	4.60	
19	H K 0715	Đỗ Thu	Phương	28/08/2006	Nữ	Kinh	Gia Lai	Tôn Đức Thắng - Pleiku	Hóa học	9.8			x	x	8.25	7.00	4.60	
20	V A 0716	Huỳnh Thu	Phương	12/02/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Nguyễn Du - Pleiku	Ngữ văn	8.9	Tiếng Anh	9.1	x		8.25	7.25	6.10	
21	V K 0717	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/05/2006	Nữ	Kinh	Nghệ An	Nguyễn Văn Cừ - Pleiku	Ngữ văn	8.0					6.25	2.25	3.10	
22	V K 0718	Nguyễn Ngọc Xuân	Phương	03/09/2006	Nữ	Kinh	Bình Định	Trưng Vương - Pleiku	Ngữ văn	8.9			x	x	7.50	3.75	6.20	
23	T C 0719	Nguyễn Xuân	Phương	12/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Phạm Hồng Thái - Pleiku	Toán	9.6	Tin học	8.1	x	x	7.50	6.00	4.60	
24	T C 0720	Nguyễn Duy	Phước	13/02/2006	Nam	Kinh	Gia Lai	Lý Tự Trọng - Pleiku	Toán	9.4	Tin học	9.1	x		6.25	7.00	3.30	

(Danh sách này gồm 24 thí sinh đăng ký dự thi)

Người đọc điểm: Phan Văn Loan

Người nhập điểm: Phan Văn Loan

Người soát điểm thứ nhất: Phan Văn Loan

Người soát điểm thứ hai: Phan Văn Loan

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Tiên Tùng

Vũ Tiên Tùng

Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Khoa Nghi